

TUẦN 10 :

CÂU GHÉP

I. Đặc điểm của câu ghép

1. Ví dụ:

C1: Tôi / quên...

CN VN

- Những cảm giác trong ./... nảy nở trong lòng tôi.

c1

v1

- Mấy cánh hoa/... mỉm cười.

c2

v2

GV:

+ Cụm CN-VN làm nòng cốt câu bao chứa các cụm c-v còn lại: tôi quên

+ Cụm c1-v1 làm thành phần bổ ngữ cho động từ *quên*.

+ Cụm c2-v2 làm bổ ngữ so sánh cho động từ *nảy nở*

=>C1: Có 3 cụm C-V bao chứa nhau

C2: Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy

TN1

TN2

Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi / dẫn đi...hẹp.

CN

VN

=>C2: có 1 cụm C-V

C3: Cảnh vật ...tôi đều thay đổi, vì

C1

V1 qht

chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn:

C2

V2

Hôm nay tôi đi học.

TN

C3

V3

=>C3: có 3 cụm C-V không bao chứa nhau. Cụm C-V cuối giải thích cho cụm C-V thứ 2

Kiểu cấu tạo
Câu có một cụm chủ vị: mẹ tôi...dài và hẹp.

Câu có 2 hoặc nhiều cụm chủ vị	Cụm C-V nhỏ nằm trong cụm C-V lớn: tôi quên....đăng.
	Các cụm C-V không bao chứa nhau: cảnh vật..đi học.->câu ghép

2. Ghi nhớ: SGK/112

II. Cách nối các vế câu:

1. Ví dụ :

- Bằng QHT và dấu (:)
- Nối bằng QHT, nối bằng dấu phẩy.
- Nối bằng cặp QHT

2. Ghi nhớ: (Sgk)

III. Luyện tập

Bài tập 1/113.

- a) - U van Dân, U lạy Dân! ->2 vế
 - Dân hãy để chị đi với u....nữa ->2 vế
 - Chị con có đi, u mới có tiền nộp sưu, thầy Dân mới được về với Dân chứ!->3 vế
 - Sáng ngày người ta đánh trói thầy Dân... ->2 vế
 - Nếu Dân không buông chị ra... cả Dân nữa đấy.-> 4 vế
 =>Các vế câu được nối với nhau bằng dấu (,)

- b) - Cô tôi chưa dứt... tôi đã ghen ứ không ra tiếng ->2 vế
 - Giá những ... mới thôi. ->2 vế
 => Các vế câu được nối bằng dấu(,); có thể thay dấu (,) bằng quan hệ từ thì.

- c) Tôi lại im lặng... đã cay cay. -> 2 vế =>nối bằng dấu hai chấm (:)

- d) Hấn làm nghề ăn trộm ... lương thiện quá. 3 vế =>nối bằng qht bởi vì

Bài tập 2/113: Đặt câu với 1 cặp QHT

- a, Vì trời mưa to nên đường rất trơn.
- b, Nếu Nam chăm học thì nó sẽ thi đỗ.
- c, Tuy nhà ở xa nhưng Bắc vẫn luôn đi học đúng giờ.
- d, Không những Ngọc học giỏi mà bạn còn rất khéo tay.

Bài tập 3/113

- bỏ 1 qht đầu: Trời mưa to nên đường rất trơn.
- đảo trật tự các vế (khi đảo ta bỏ qht thứ 2): Đường rất trơn vì trời mưa to.

Bài 4: Đặt câu

- Nó *vừa* đi học về *đã* ngồi làm bài tập ngay.->cặp phó từ
- Nó lấy cái gì ở *đâu* là cất vào *đấy* một cách nghiêm chỉnh.->cặp chỉ từ
- Nó *càng* cố cãi thì *càng* lúng túng.->cặp qht chỉ mức độ

CÂU GHÉP (tiếp theo)

I. Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu.

1. Ví dụ :

VD 1: (Sgk/123)

a. Câu ghép có 3 vế:

- * Vế A: Có lẽ tiếng Việt của chúng ta đẹp.
- * Vế B: (bởi vì) tâm hồn của người VN ta rất đẹp
- * Vế C: (bởi vì) đời sống...rất đẹp.

+ Vế 1: kết quả

+ Vế 2, 3: chỉ nguyên nhân

→ Quan hệ nhân - quả: bởi vì

b. Quan hệ tương phản: nhưng

c. Quan hệ tăng tiến: bao nhiêu ... bấy nhiêu

d. Quan hệ tiếp nối.(dựa vào cụm từ “ vài giây sau”

VD 2: **Đoạn văn 1, BT 2/ SGK. 124**

Có 4 câu ghép:

- Trời xanh thẳm... chắc nịch.
 - Trời rải mây... hơi sương.
 - Trời âm u... nặng nề.
 - Trời àm àm... giận dữ
- *Quan hệ điều kiện – kết quả.*

- Dựa vào văn cảnh

2. Ghi nhớ: (Sgk/123)

II. Luyện tập:

1. Bài tập 1(Sgk/tr124)

- Xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu, mỗi vế câu biểu thị ý nghĩa gì trong mối quan hệ ấy.

a) Gồm 3 vế câu

- Vế 1 và vế 2: Nguyên nhân kết quả

- vế 2 và vế 3: Quan hệ giải thích

(vế 3 giải thích cho điều ở vế 2)

b) Quan hệ điều kiện - kết quả (nếu... thì)

c) Quan hệ tăng tiến

d) Quan hệ tương phản

e) C1 V1-V2 là quan hệ nối tiếp thời gian (rồi)

C2 V1-V2 quan hệ nhân quả (vì yếu nên...)

Bài tập 2/124

* Đoạn 2 gồm 2 câu ghép

C1: Mặt trời lên...

C2: Năng vừa nhạt ...

=> Quan hệ nhân (vế 1) - quả (vế 2)

*Không nên tách vì ý nghĩa của các câu quan hệ chặt chẽ.

Bài 3/125: (Đánh giá về cách dùng câu ghép)

- Xét về lập luận: Mỗi câu ghép trình bày một việc mà lão Hạc nhờ ông Giáo. (Nếu tách mỗi vế câu trong câu ghép thành 1 câu đơn thì không đảm bảo được tính mạch lạc của lập luận)

- Xét về giá trị biểu hiện: Tác giả cố ý viết câu dài để tái hiện cách kể lể, dài dòng khi lão Hạc muốn nhờ ông giáo giúp đỡ.

Bài tập 4/125

- Có 3 câu ghép

- ở câu ghép thứ 2, quan hệ giữa các vế của câu ghép là QH điều kiện (nếu ... thì) điều kiện – kết quả.

Để thể hiện mối quan hệ này, không nên tách mỗi vế thành 1 câu đơn.

- Nếu tách mỗi vế trong câu ghép (1) và (3) sẽ có cảm tưởng n/v nói nhát gừng vì quá ngắn gọn đau đớn.

- Còn cách viết của tác giả sẽ khiến ta hình dung ra sự kẻ lể, van vi tha thiết của nhân vật...

Bài tập

Cho 2 câu đơn: Ông nổi giận. Bà không nói gì cả.

Hãy chuyển đổi chúng thành những câu ghép có sử dụng cặp QHT.

Vì nên

Hễ thì

Tuy nhưng.

**Điều chỉnh, bổ sung:*

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN THUYẾT MINH

I. Vai trò và đặc điểm chung của văn bản thuyết minh.

1. Văn bản thuyết minh trong đời sống con người.

- Khi cần có sự hiểu biết khách quan về đối tượng (SV, sự việc, sự kiện)

- Được sử dụng trong mọi lĩnh vực.

2. Đặc điểm chung của văn bản thuyết minh.

*KN: VB thuyết minh cung cấp tri thức về những đặc điểm, tính chất, nguyên nhân của sự việc, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giải thích, giới thiệu.

*Đặc điểm: Tri thức phải tiêu biểu, khách quan, trung thực, có ích

- Trình bày chính xác, rõ ràng, chặt chẽ

** Ghi nhớ: (Sgk/tr117)*

II. Luyện tập:

Bài 1:

- Là VB thuyết minh, vì:

VB a: Cung cấp kiến thức lịch sử: GT về n/v lịch sử.

- VB b: Cung cấp kiến thức KH về sinh học

PHƯƠNG PHÁP THUYẾT MINH

I. Tìm hiểu các phương pháp thuyết minh

1. Quan sát, học tập, tích lũy tri thức để làm bài văn thuyết minh.

- Tri thức về sự vật: Cây dừa.
- Tri thức về khoa học: Lá cây, con giun.
- Tri thức về lịch sử: Khởi nghĩa Nông Văn Vân.
- Tri thức về văn hoá: Huế.
- Có ý thức tích lũy kiến thức.
- Phân tích chọn lọc, phân loại các thông tin sẽ sử dụng để viết.

2. Phương pháp thuyết minh.

- a) Phương pháp nêu định nghĩa, giải thích.
- b) Phương pháp liệt kê.
- c) Phương pháp nêu ví dụ
- d) Phương pháp dùng số liệu
- e) Phương pháp so sánh:
- g) Phương pháp phân loại, phân tích.

*** Ghi nhớ:** (Sgk/128)

- Phối hợp các phương pháp để làm bài thuyết minh.

II. Luyện tập

Bài 1/128 Sgk

- + Kiến thức về khoa học: Tác hại của khói thuốc lá có hại đến sức khỏe, cơ chế di truyền nòi giống và đạo đức con người
- + Kiến thức về xã hội: Tâm lý lệch lạc của 1 số người coi việc hút thuốc lá là lịch sự, mốt.

Bài tập 2/128 Sgk

Bài tập 3/129 Sgk

- Về tri thức:
- + Kiến thức về lịch sử.
- + Về quân sự
- + C/sống của các nữ TNXP thời chống Mỹ.
- Phương pháp dùng số liệu và các sự kiện.

Bài 4/129

Hợp lí, vì:

- Dùng phương pháp phân loại, phân tích nhằm chỉ ra những lí do khác nhau dẫn đến một số bạn học yếu.
- Từ cách phân loại đó sẽ áp dụng cách giúp đỡ phù hợp.